TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
SỐ:01/2025/QĐST – KDTM	*N, ngày 03 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 147, 157, 165, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 96, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/01/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLST - DS, ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N(gọi tắt A)
Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V
Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện được ủy quyền lại: Ông Đinh Công C.
Chức vụ: Phó giám đốc A chi nhánh khu vực R, tỉnh N.
Bị đơn: ông Kiều Sơn H, sinh năm 1966
Địa chỉ: thôn Ch, xã S, (nay là xã P) huyện N, tỉnh N.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1969
2. Anh Kiều Tuấn A, sinh năm 1989
Đều có địa chỉ: thôn Ch, xã S, (nay là xã P) huyện N, tỉnh N.

Bà Bùi Thị H và anh Kiều Tuấn A cùng ủy quyền cho ông Kiều Sơn H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 06/12/2024, ông Kiều Sơn H còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 3.255.256.849 đồng (Ba tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 442.060.274 đồng, nợ lãi quá hạn: 113.196.575 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3311-LAV-202300176.

2.2. Các đương sự thỏa thuận việc trả nợ như sau:

Ông Kiều Sơn H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là 3.255.256.849 đồng (Ba tỷ hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 442.060.274 đồng, nợ lãi quá hạn: 113.196.575 đồng và phải tiếp tục trả số tiền lãi, lãi quá hạn, theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3311-LAV-202300176 đã ký kết kể từ ngày 07/12/2024 cho đến khi ông Kiều Sơn H thanh toán xong các khoản nợ trên cho Ngân hàng A.

Trường hợp ông Kiều Sơn H không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của ông Kiều Sơn H, bà Bùi Thị H theo Hợp đồng thế chấp số: 3311-LCL-202100476/HĐTC ngày 18/06/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Diện tích đất thế chấp: 1.500 m2, trong đó đất ở SD lâu dài: 360 m^2, đất vườn 890 m2; đất ao 250 m2, thửa đất số 327, tờ bản đồ số 02 theo giấy CNQSD đất số: AM 368180 do UBND huyện N cấp ngày 08/09/2009. Tài sản trên đất là Nhà ở, công trình phụ xây gạch, cột bê tông chịu lực 2 tầng, mái bê tông cốt thép, CTP xây khép kín; Xưởng sản xuất xây gạch bê tông, mái lợp tôn. Giá trị tài sản đảm bảo: 3.700.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện N ngày 18/06/2021. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì ông Kiều Sơn H vẫn phải có trách nhiệm lấy tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để trả nợ cho Ngân hàng A.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: ông Kiều Sơn H nhận nộp 48.552.500đ (bốn mươi tám triệu năm trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Ngân hàng A không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 46.886.000 đ(bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai số BLTU/23/0001411 ngày 01/11/2024.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc